

Bản án số: **05/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/02/2018

V/v Tranh chấp “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Thị Thúy Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Dương Kim Dung**.
2. Ông **Trần Văn Việt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bé T. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Chen Wu Chia H. Địa chỉ: Lãnh thổ Đài Loan. (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2018, đơn đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra giải quyết và được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án đề ngày 30/01/2018, nguyên đơn bà T trình bày:

Trong thời gian khoảng tháng 3/2017, bà có quen biết với ông H khi ông H sang Việt Nam du lịch với người thân. Qua giới thiệu và tìm hiểu, bà và ông H có tình cảm với nhau. Sau đó hai bên tiến đến hôn nhân và đã làm xong thủ tục đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2017.

Sau đó, hai người tiến hành các thủ tục đăng ký xin cấp Visa. Trong thời gian chờ phỏng vấn Visa để định cư ở Đài Loan thì tình cảm giữa hai người không còn như lúc đầu gặp nhau vì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về mọi mặt trong sinh hoạt của vợ chồng, khác nhau về phong tục, ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày không thể trao đổi với nhau được nhiều. Cả hai nhận thấy không còn hòa hợp nữa, tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt và không thể hàn gắn lại được. Ông H cũng thống nhất với việc hai người sẽ gửi đơn và làm thủ tục ly hôn với nhau.

Nay nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bà đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra giải quyết cho bà và ông H ly hôn với nhau vì hai người đã thống nhất ly hôn với nhau và không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, bà cũng đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này.

** Theo đơn tường trình về việc ly hôn đề ngày 10/11/2017, đơn đề nghị xét xử vắng mặt về việc ly hôn đề ngày 10/11/2017, bị đơn ông H trình bày:*

Trong một dịp sang Việt Nam du lịch, ông quen biết với bà T. Hai người tìm hiểu nhau trong một thời gian ngắn thì tiến đến hôn nhân, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2017. Sau khi kết hôn, tình cảm giữa hai người không những không có sự tiến triển mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán... Cho đến hiện nay thì giữa hai người đã cắt đứt quan hệ.

Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Do công việc bận rộn và gặp nhiều trở ngại trong đi lại nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn T yêu cầu được ly hôn với bị đơn H; không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn T và bị đơn H đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn T và bị đơn H.

[3] Ngày 30/01/2018 nguyên đơn T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó,

Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[II] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2017, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Do không tìm hiểu kỹ trước khi tiến đến hôn nhân nên sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì giữa bà T và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán... Bà T và ông H đều xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng giữa hai người đã không còn, không thể hàn gắn được nữa. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà T và ông H không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo bà T yêu cầu ly hôn với ông H thì ông H cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T xin được ly hôn với ông H là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà T được ly hôn với ông H.

[2] Về con chung: Bà T và ông H đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Bà T và ông H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H.
- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số: 0001557 ngày 29/01/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện A;
- Lưu HSVÀ-TDS.

Tăng Thị Thúy Nga